

Châu Thành, ngày 28 tháng 4 năm 2021

Số: 169/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ H sơ thụ lý số: 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa:

+ Nguyên đơn: **Lê Thị Huỳnh M**, sinh năm: 1981.

+ Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Căn cứ vào Điều 217, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Huỳnh M và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huỳnh M và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn

- Về con chung: Chị Lê Thị Huỳnh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 04/3/2011. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2021 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở. Vì lợi ích của con một hoặc hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Về nợ chung: Anh H và chị M khai không có nên ghi nhận.

- Về án phí:

+ Chị Lê Thị Huỳnh M tự nguyện nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con) là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Do chị M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm năm mươi nghìn đồng*) nên được khấu trừ theo biên lai số 0005038 ngày 16/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị M đã nộp đủ án phí.

+ Chị Lê Thị Huỳnh M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 24.000.000 đồng (*hai mươi bốn triệu đồng*) theo biên lai số 0005037 ngày 16/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng